TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2023/HS-ST.
Ngày: 17/07/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Luận
2. Ông Đỗ Khắc Kiếm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 276/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 06 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2023/QĐXXST - HS ngày 27 tháng 06 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T- Sinh năm 1976; ĐKNKTT và chỗ ở SN 19 N 2, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T; vợ là Phan Thị Hồng M và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2021, tiền án, tiền sự: không, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lê Thế N – Sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã H, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, (vắng mặt).

2. Lương Quang H– Sinh năm 2000, trú tại phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, (vắng mặt).

3. Lê Quang T– Sinh năm 1987, trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở tố giác của quần chúng nhân dân, trong thời gian Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đang xác minh về hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự tại phường T thành phố T, thì ngày 24/03/2023 Nguyễn Văn T đã đến Công an thành phố T đầu thú và khai nhận:

Do không có công ăn việc làm ổn định nên từ tháng 01/2021 đến tháng 3/2023, Nguyễn Văn T đã cho 03 người vay với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày tương ứng với số tiền 90.000đồng/triệu/tháng (Tuấn và khách vay quy ước 01 tháng = 30 ngày), tương ứng với lãi suất 108%/năm gấp 5,4 lần so với quy định tại Bộ luật dân sự (lãi suất cao nhất là 20%/năm). Do quen biết nhau nên tại thời điểm vay tiền thì khách vay không phải viết giấy vay nợ, T cùng khách vay thống nhất tính lãi theo tháng và thanh toán vào giữa tháng, khách vay có thể trả tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản Ngân hàng S số 030080665950 mang tên Nguyễn Văn T, từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 03 năm 2023, Nguyễn Văn T đã cho 03 người vay với tổng số tiền cho vay là 35.000.000 đồng, T thu lãi trực tiếp 03 người. Cụ thể:

1, Anh Lê Thế N, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa đã vay của Nguyễn Văn T gói vay 15.000.000 đồng, với hình thức đóng lãi hàng tháng, mỗi tháng phải trả lãi 1.350.000 đồng, bắt đầu trả tiền lãi vào tháng 02/2021. Tính đến tháng 3/2023 (26 tháng), tổng số tiền lãi anh N đã trả cho Tuấn là 35.100.000 đồng. Số tiền lãi được phép thu theo quy định là 6.500.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 28.600.000 đồng. Anh N đã trả hết tiền gốc cho Tuấn.(BL: 36-41)

2, Anh Lương Quang H, sinh năm 2000, trú tại phố N, phường L, thành phố T đã vay của Nguyễn Văn T gói vay 10.000.000 đồng, với hình thức đóng lãi hàng tháng, mỗi tháng phải trả lãi 900.000 đồng, bắt đầu trả tiền lãi vào tháng 10/2021. Đến tháng 01/2023, anh H thống nhất với Tuấn sẽ không đóng tiền lãi nữa mà chỉ trả tiền gốc và được T đồng ý. Tính đến tháng 01/2023 (16 tháng), tổng số tiền lãi anh H đã trả cho Tuấn là 14.400.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định là 2.666.667 đồng, số tiền thu lời bất chính là 11.733.333 đồng. Anh H đã trả hết tiền gốc cho T.(BL: 42-46)

3, Anh Lê Quang T, sinh năm 1987, trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa gói vay 10.000.000 đồng, với hình thức đóng lãi hàng tháng, mỗi tháng phải trả lãi 900.000 đồng, bắt đầu trả tiền lãi vào tháng 02/2022. Tính đến tháng 3/2023 (14 tháng) tổng số tiền lãi anh T đã trả cho Tuấn là 12.600.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định là 2.333.333 đồng, số tiền thu lời bất chính là 10.266.667 đồng. Anh T đã trả hết tiền gốc cho Tuấn.(BL: 30-35)

Tổng số tiền lãi mà Nguyễn Văn T đã thu của anh Lê Thế N, Lương Quang H và Lê Quang T là 62.100.000 đồng. Trong đó số tiền lãi được thu theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 11.500.000 đồng. Số tiền lãi mà Nguyễn Văn T đã thu vượt là 50.600.000 đồng, vượt 5,4 lần.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT – Công an thành phố T khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T tại số nhà 19 phố N2, phường T, thành phố T nhưng không thu giữ được gì.(BL:16-18)

Về phần dân sự anh Lê Thế N, Lương Quang H và Lê Quang T không có yêu cầu gì.

- Tại phiên tòa bị cáo khai nhận; do hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bản thân lại không có việc làm ổn định, vì muốn được hưởng lợi bất chính, khoảng từ đầu tháng 01 năm 2021 đến tháng 03 năm 2023, Nguyễn Văn Tuấn đã cho 03 khách hàng là anh Lê Thế N, anh Lương Quang H và anh Lê Quang T vay số tiền gốc là 35.000.000đ, lãi là 3000đ/ngày/1.000.000đ. Tiền lãi bị cáo thu được từ những người vay là 62.100.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tuy vắng mặt nhưng đã khai và xác nhận đầy đủ về số tiền đã vay, thời gian và mức lãi phải chi trả, hiện tại đã trả hết tiền nợ gốc và lãi cho Nguyễn Văn T và không có yêu cầu gì.

Cáo trạng số: 223/CTr-VKS ngày 12/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và khung hình phạt như quyết định của bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1,3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 của BLHS đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, hình phạt bổ sung từ 50 triệu đến 60 triệu đồng; sung quỹ nhà nước số tiền 46.500.000 đồng, bị cáo phải trả cho anh Lê Thế N: 28.600.000 đồng, anh Lương Quang H: 11.733.333

đồng, anh Lê Quang T: 10.266.667 đồng, bị cáo phải nộp án phí Hình sự theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh bị cáo để cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì, Hội đồng xét xử tiến hành theo thủ tục chung.

[2]. Các căn cứ để định tội đối với bị cáo: Về lời khai tại phiên tòa hôm nay với lời khai của bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra đều thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vật chứng đã thu được cùng tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 01 năm 2021 đến ngày 24/03/2023 Nguyễn Văn T đã có hành vi cho vay lãi nặng đối với 03 khách hàng trên địa bàn thành phố T, với tổng số tiền là 35.000.000 đồng. Trong đó lãi thu vượt của khách hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 50.600.000đ. Đối chiếu với quy định tại Thông tư số 14/2017/TT- NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về "Quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng" thì mức lãi bị cáo cho vay là 108%/năm (tương ứng 5,4 lần) so với mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Như vậy, hành vi của bị cáo có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Tính chất vụ án: Tệ nạn cho vay nặng lãi đang lan rộng trên địa bàn thành phố nói riêng và cả nước nói chung. Mặc dù đã được lực lượng Công an triệt

phá nhiều tụ điểm và thông qua công tác xét xử đã tuyên truyền sâu rộng, nhằm ngăn chặn, đẩy lùi các tội phạm tiếp theo, bị cáo biết nhưng vẫn phạm tội. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn tạo ra dư luận xấu trong nhân dân. Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung.

[4]. Về trách nhiệm hình sự của bị cáo (TNHS): Nguyễn Văn T có các tình tiết giảm nhẹ TNHS là thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố T đầu thú, các tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS. Vì bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, được chính quền địa phương xác nhận trước khi phạm tội chấp hành tốt chính sách pháp luật và nghĩa vụ công dân. Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng Điều 36 của BLHS để cho bị cáo được hưởng hình phải cải tạo không giam giữ, để yên tâm cải tạo sớm trở thành người lương thiện.

Đối với Nguyễn Văn T bản thân là lao động tự do, không có việc làm ổn định, hiện tại đang phải nuôi con nhỏ, bố mẹ già bị cáo được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vì vậy, nghĩ nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành án.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 35.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Văn T đã sử dụng cho 03 cá nhân vay được xác định là phương tiện phạm tội và khoản tiền 11.500.000 đồng lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm do vậy, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS để truy thu của bị cáo Nguyễn Văn T để tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước. Như vậy, tổng số tiền phải truy thu của bị cáo Nguyễn Văn T để tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước là 46.500.000 đồng.

Đối với số tiền bị cáo đã thu lãi vượt quá quy định của Bộ luật dân sự được coi là giao dịch không có hiệu lực, xác định đây là tiền thu lợi bất chính sẽ không tịch thu của bị cáo để sung nộp ngân sách Nhà nước mà trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bao gồm; anh Lê Thế Nguyên: 28.600.000 đồng, anh Lương Quang H: 11.733.333 đồng, anh Lê Quang T: 10.266.667 đồng. Tổng 50.600.000 đồng.

Bị cáo kinh doanh tiền tệ để thu lời bất chính, do vậy áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

[6]. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1,3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 và khoản 1 Điều 47 của BLHS.

Căn cứ Điều 136 của BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đối với bị cáo.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nhận được Quyết định Thi hành án và bản sao bản án.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 60.000.000. (sáu mươi triệu) đồng.

- Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Văn T.

- Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Văn T trong thời gian chấp hành án.

Truy thu số tiền 46.500.000 (bốn sáu triệu, năm trăm ngàn) đồng là phương tiện dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có của bị cáo Nguyễn Văn T để tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền (lãi vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự) cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm; anh Lê Thế N: 28.600.000 (hai tám triệu sáu trăm ngàn) đồng, anh Lương Quang H: 11.733.333 (mười một triệu bảy trăm ba ba ngàn, ba trăm ba ba) đồng, anh Lê Quang T: 10.266.667 (mười triệu hai trăm sáu sáu ngàn sáu trăm sáu bảy) đồng.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng.

Quyết định bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. T;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Cơ sở giam giữ Công an TP. T;
- Bị cáo;
- Người có QL&NVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. T

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Hoa